**SỞ GD – ĐT QUẢNG NAM MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I-2022- 2023**

**Trường THPT: ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN: ĐỊA LÍ 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***Số CH*** | | |
| ***TNKQ*** | ***TL*** | ***TNKQ*** | ***TL*** | ***TNKQ*** | ***TL*** | ***TNKQ*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | |
| **1** | **A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI** | A.1. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  | |
| A.2. Xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 2 |  | |
| A.3. Một số vấn đề mang tính toàn cầu | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  | 3 |  | |
| A.4. Một số vấn đề của châu lục và khu vực | 1 | 1 | 2 |  |  |  |  |  | 3 | 1 | |
|  |  | A.5. Hợp chúng quốc Hoa Kì. | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  | 3 |  | |
|  |  | A.6. EU- tiết 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 1 | |
| **2** | **B. KỸ NĂNG** | Xử lí số liệu, rút ra nhận xét, giải thích nguyên nhân bảng số liệu và biểu đồ. |  |  | 1 |  |  | **1** |  |  | 1 | 1 | |
| **Tổng** | |  | **6** | **1** | **9** | **0** | **0** | **1** | **0** | **1** | **15** | **3** | |
| **Tỉ lệ %** | |  | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **50** | | **50** |

**SỞ GD – ĐT QUẢNG NAM BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022-2023**

**Trường THPT: ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN: ĐỊA LÍ 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề/Bài** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | |
| **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **BÀI 1. SỰ TƯƠNG PHẢN TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI GIỮA CÁC NHÓM NƯỚC.** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Biết sự phân chia và tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước, đặc trưng của cuộc cách mạng KHCN hiện đại. | 1 câu |  |  |  |  |  |  |  |
| Hiểu sự được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển. |  |  | 1 câu |  |  |  |  |  |
| **BÀI 2. XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá, khu vực hóa kinh tế.  - Biết được tên, số lượng các tổ chức liên kết kinh tế khu vực. | 1 câu |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hiểu được các hệ quả của toàn cầu hoá. |  |  | 1 câu |  |  |  |  |  |
| **BÀI 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nhận biết một số vấn đề toàn cầu hiện nay như:già hóa dân cư, các vấn đề biến đổi khí hậu, thủng tầng ô zôn… | 1 câu |  |  |  |  |  |  |  |
| Hiểu được một số vấn đề toàn cầu như:già hóa dân số, biến đổi khí hậu, thủng tầng ô zôn, suy giảm đa dạng sv, ô nhiễm nguồn nước ngọt, nước biển và đại dương….. |  |  | 2 câu |  |  |  |  |  |
| **BÀI 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC VÀ CHÂU LỤC** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Biết được các vấn đề tự nhiên,dân cư,xã hội, tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở châu Phi, Mĩ La-tinh ; khu vực Trung Á và Tây Nam Á. | 1 câu | 1 câu |  |  |  |  |  |  |
| *-* Trình bày được một số vấn đềcần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu Phi, Mĩ La Tinh, Tây Nam Á và Trung Á. |  |  | 2 câu |  |  |  |  |  |
| **BÀI 6. HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ**  - Biết được các đặc điểm về vị trí địa lí, đặc điểm dân cư.  - Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư, cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ công nghiệp. | 1 câu |  | 2 câu |  |  | 1 câu |  |  |
| **BÀI 7. EU- LIÊN MINH KHU VỰC LỚN TRÊN THẾ GIỚI.**  **-** Biết được sự ra đời và phát triển của EU.  - Chứng minh vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới. | 1 câu |  |  |  |  |  |  | 1 câu |
| -Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất với bảng số liệu. |  |  | 1 câu |  |  |  |  |  |
| **Số câu TN, TL – Số điểm** | 6 câu  = 2.0 đ | 1 câu=2đ | 9 câu  = 3.0 đ |  |  | 1 câu =  2.0đ |  | 1 câu = 1đ |
| **Điểm từng mức độ - Tỉ lệ** | **4.0đ = 40%** | | **3.0 đ = 30%** | | **2.0 = 20%** | | **1đ = 10%** | |
| **Tổng điểm** | **10,0 điểm** | | | | | | | |

**SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN: ĐỊA LÍ 11- NĂM HỌC: 2022- 2023**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**Họ và tên HS:……………………………………………Lớp 11/…. Mã đề: 101**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM: 5điểm.**

**Câu 1.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây đã làm cho tốc độ phát triển kinh tế không đều, đầu tư nước ngoài giảm mạnh ở Mĩ La tinh?

**A.** Chính trị không ổn định. **B.** Cạn kiệt dần tài nguyên.

**C.** Thiếu lực lượng lao động. **D.** Thiên tai xảy ra nhiều.

**Câu 2.** Một trong những biểu hiện của dân số thế giới đang có xu hướng già đi là

**A.** Tỉ lệ người trên 65 tuổi ngày càng cao. **B.** Số người trong độ tuổi lao đông đông.

**C.** Tỉ lệ người dưới 15 tuổi ngày càng cao. **D.** Tuổi thọ của nữ giới cao hơn nam giới.

**Câu 3.** Phần lớn lãnh thổ Châu Phi có cảnh quan

**A.** hoang mạc, bán hoang mạc, và xavan.

**B.** hoang mạc, bán hoang mạc và cận nhiệt đới khô.

**C.** rừng xích đạo, cận nhiệt đới khô và xavan.

**D.** rừng xích đạo, rừng nhiệt đới ổm và nhiệt đới khô.

**Câu 4.** Những quốc gia nào có vai trò sáng lập EU?

**A.** Đức, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Phần Lan, Bỉ.

**B.** Italia, Pháp, Phần Lan, Đức, Thụy Điển.

**C.** Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

**D.** Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxambua.

**Câu 5.** Nguyên nhân quan trọng nhất tạo nên sự khác biệt về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển là do

**A.** sự đa dạng về chủng tộc. **B.** phong phú nguồn lao động.

**C.** phong phú về tài nguyên. **D.** trình độ phát triển kinh tế.

**Câu 6.** Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kì tập trung chủ yếu ở

1. vùng Nội địa. **B.** vùng phía Nam.

**C.** vùng Đông Bắc. **D.** vùng Phía Tây.

**Câu 7.** ở Tây Nam Á, yếu tố tinh thần có ảnh hưởng bao trùm đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của khu vực là

**A.** Nghệ thuật. **B.** Bóng đá.  **C.** Văn học. **D.** Tôn giáo.

**Câu 8.** Dân số Hoa Kì tăng nhanh chủ yếu do

**A.** tỉ suất sinh cao. **B.** gia tăng tự nhiên.

**C.** nhập cư. **D.** tỉ suất tử thấp

**Câu 9.** Điểm tương đồng về mặt tự nhiên khu vực Tây Nam Á và Trung Á

**A.** có khí hậu nóng ẩm, giàu tài nguyên rừng.

**B.** có khí hậu khô hạn, giàu tài nguyên dầu mỏ.

**C.** có khí hậu lạnh, giàu tài nguyên thủy sản.

**D.** nằm ở vĩ độ rất cao, giàu tài nguyên rừng.

**Câu 10.** Sự tương phản về trình độ phát triển KT-XH của hai nhóm nước phát triển và đang phát triển thể hiện rõ nhất qua các yếu tố nào?

**A.** GDP/người - tuổi thọ trung bình - HDI. **B.** GDP/người - FDI – HDI.

**C.** GDP/người - tỉ lệ biết chữ - HDI. **D.** GDP/người - HDI - cơ cấu kinh tế.

**Câu 11.** Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

**A.** làm tăng cường các hoạt động tội phạm **B.** làm ô nhiễm môi trường tự nhiên.

**C.** tác động xấu đến môi trường xã hội. **D.** gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

**Câu 12.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến hiện tượng thủng tầng ô dôn?

**A.** Ô nhiễm môi trường các đại dương. **B.** Gia tăng lượng khí thải CFCs.

**C.** Lượng khí thải CO2 tăng nhanh. **D.** Gia tăng lượng rác thải sinh hoạt.

**Câu 13.** Hai đại dương ngăn cách Hoa Kì với các châu lục khác là

1. Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.

**B.** Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

**D.** Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

**Câu 14.** Vai trò to lớn của Tổ chức thương mại thế giới là

**A.** thúc đẩy tự do hóa thương mại. **B.** củng cố thị trường chung Nam Mĩ.

**C.** giải quyết xung đột giữa các nước. **D.** tăng cường liên kết giữa các khối kinh tế.

**Câu 15.** Cho bảng số liệu

NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA MĨ LA TINH - NĂM 2005

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Ac-hen-ti-na** | **Bra-xin** | **Mê-hi-cô** | **Chi-lê** | **Vê-nê-xu-ê-la** |
| Tổng số nợ | 158 | 220 | 149,9 | 44,6 | 33,3 |
| GDP | 151,5 | 605 | 676,5 | 94,1 | 109,3 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 11, NXB giáo dục)*

Theo bảng số liệu, để so sánh số nợ nước ngoài với GDP của một số quốc gia Mĩ La tinh, biểu đồ nào dưới đây thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ đường. **B.** Biểu đồ hình cột.

**C.** Biểu đồ kết hợp. **D.** Biểu đồ hình tròn.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5điểm)**

***Câu 1.***(2điểm): Trình bày những đặc điểm cơ bản của khu vực Tây Nam Á?

***Câu 2****.* (2điểm). Vị trí địa lí của Hoa Kì có thuận lợi gì cho phát triển kinh tế?

**Câu 3**.(1điểm). Dựa vào kiến thức đã học, em hãy chứng minh EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới ?

***------ HẾT ------***

**SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN: ĐỊA LÍ 11- NĂM HỌC: 2022- 2023**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**Họ và tên HS:……………………………………………Lớp 11/…. Mã đề: 102**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM: 5điểm.**

**Câu 1.** Chỉ số phát triển con người HDI được xác định dựa vào các tiêu chí nào sau đây?

**A.** Tỉ lệ giới tính, cơ cấu dân số và GDP/ người.

**B.** Tuổi thọ trung bình, bình đẳng giới và tự do.

**C.** Sự hài lòng và hạnh phúc với thực tế cuộc sống.

**D.** GDP/người, trình độ dân trí, tuổi thọ trung bình.

**Câu 2.** Quá trình mở rộng các nước thành viên EU chủ yếu hướng về

**A.** phía Bắc. **B.** phía Đông. **C.** phía Tây. **D.** phía Nam.

**Câu 3.** Khu vực Tây Nam Á **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Sự can thiệp vụ lợi của các thế lực bên ngoài.

**B.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

**C.** Nguồn tài nguyên dầu mỏ giàu có.

**D.** Vị trí địa lý mang tính chiến lược.

**Câu 4.** Nguyên nhân **không** phải là chủ yếu làm cho đa số các nước châu Phi có nền kinh tế kém phát triển là

**A.** phương pháp quản lí còn yếu kém. **B.** sự thống trị lâu dài của chủ nghĩa thực dân.

**C.** xung đột sắc tộc xảy ra ở nhiều nơi. **D.** quá trình đô thị hóa tự phát.

**Câu 5.** Toàn cầu hóa kinh tế **không** có biểu hiện nào sau đây?

**A.** Các tổ chức liên kết khu vực ra đời. **B.** Đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh.

**C.** Thị trường tài chính quốc tế mở rộng. **D.** Thương mại quốc tế phát triển mạnh.

**Câu 6.** Hiện nay ở Hoa Kì, người Anh điêng sống tập trung ở vùng

**A.** đồi núi phía Đông. **B.** đồi núi phía Tây.

**C.** đồi gò phía Bắc. **D.** đồng bằng phía Nam.

**Câu 7.** Mĩ la tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển

**A.** cây lương thực, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.

**B.** cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia đại gia súc.

**C.** cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc.

**D.** cây lương thực, cây công nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.

**Câu 8.** Việt Nam là thành viên của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực nào?

**A.** APEC và ASEAN. **B.** EU và NAFTA. **C.** EU và ASEAN. **D.** NAFTA và APEC.

**Câu 9.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu?

**A.** Ô nhiễm môi trường các đại dương. **B.** Gia tăng lượng khí thải CFCs.

**C.** Gia tăng lượng rác thải sinh hoạt. **D.** Lượng khí thải CO2 tăng nhanh.

**Câu 10.** Điểm giống nhau về mặt xã hội của khu vực Tây Nam Á và Trung Á là

**A.** đông dân và gia tăng dân số còn cao. **B.** phần lớn dân cư theo đạo Hin du.

**C.** phần lớn dân số sống theo đạo Ki-tô. **D.** xung đột sắc tộc, tôn giáo và khủng bố.

**Câu 11.** Đặc điểm chủ yếu của ngành Công nghiệp Hoa Kì hiện nay

**A.** khai thác là ngành có giá trị cao nhất trong cơ cấu công nghiệp

**B.** là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.

**C.** là ngành tạo nên sức mạnh cho nền kinh tế Hoa Kì.

**D.** tỉ trọng trong GDP có xu hướng tăng lên.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** |
| Hoa Kì | 14 964 | 16 692 | 17 393 | 18 121 | 18 624 |
| Nhật Bản | 5 700 | 5 156 | 4 849 | 4 383 | 5 700 |
| Trung Quốc | 6 101 | 9 607 | 10 482 | 11 065 | 11 199 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2017)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước của các quốc gia giai đoạn 2010 - 2016, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Cột. **C.** Đường. **D.** Kết hợp.

**Câu 13.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hệ quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại?

**A.** Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. **B.** Làm xuất hiện nhiều ngành mới.

**C.** Làm xuất hiện nền kinh tế tri thức. **D.** Làm gia tăng số người thất nghiệp.

**Câu 14.** Nhân tố nào sau đây **không** có ảnh hưởng nhiều đến ô nhiễm môi trường biển?

**A.** Chất thải công nghiệp vào biển chưa qua xử lí.

**B.** Các sự cố đắm tàu, tràn dầu; sự cố khai thác dầu.

**C.** Chất thải sinh hoạt bẩn vào biển chưa qua xử lí.

**D.** Khai thác thủy sản, đẩy mạnh trồng rừng trên đảo.

**Câu 15.** Lãnh thổ Hoa Kì **không** bao gồm bộ phận nào dưới đây?

**A.** Quần đảo Haoai. **B.** Bán đảo Alatxca.

**C.** Quần đảo Ăng-ti. **D.** Phần đất ở trung tâm Bắc Mỹ.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5điểm)**

***Câu 1.***(2điểm): Trình bày những đặc điểm cơ bản của khu vực Trung Á?

***Câu 2****.* (2điểm). **DÂN SỐ HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1890 – 2018** (Đơn vị: triệu người)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1800** | **1820** | **1840** | **1860** | **1880** | **1900** | **1920** | **1940** | **1960** | **1980** | **2005** | **2010** | **2018** |
| **Số dân** | **5** | **10** | **17** | **31** | **50** | **76** | **105** | **132** | **179** | **227** | **296.5** | **309.3** | **327.2** |

Em hãy nhận xét sự gia tăng dân số Hoa Kì theo bảng số liệu trên. Người dân nhập cư đã mang lại cho Hoa Kì lợi ích gì?

**Câu 3**.(1điểm). Dựa vào kiến thức đã học, em hãy chứng minh EU là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới ?

***------ HẾT ------***

**SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN: ĐỊA LÍ 11- NĂM HỌC: 2022- 2023**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

I.PHẦN TRẮC NGHIỆM. 5Đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề\câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 102 | D | B | B | D | A | B | C | A | D | D | B | C | D | D | C |
| 104 | D | C | A | B | D | B | B | A | B | A | C | D | C | C | D |
| 106 | B | B | D | B | C | B | D | B | A | D | C | B | D | C | C |
| 108 | D | A | D | B | D | A | C | A | B | C | C | D | D | C | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đề\câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 101 | A | A | A | D | D | C | D | C | B | D | D | B | B | A | B |
| 103 | D | C | B | C | B | B | A | A | D | B | A | C | D | D | B |
| 105 | B | D | A | C | C | A | A | D | D | B | A | A | B | C | C |
| 107 | D | A | A | C | D | A | A | C | C | A | A | A | A | D | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5điểm)**

**ĐỀ LẺ**

***Câu 1.***(2điểm): **Trình bày những đặc điểm cơ bản của khu vực Tây Nam Á?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | **Tây Nam Á** |
| *Diện tích* | 7,0 triệu km2 0,25 |
| *Vị trí địa lí* | - Nằm ở ngã ba của 3 châu lục Á-Âu-Phi => vị trí chiến lược quan trọng. 0,25 |
| *Số quốc gia* | 20 0,25 |
| *Số dân* | 313,3 tr.người (2005) 0,25 |
| *Đặc điểm tự nhiên* | - Có khí hậu khô nóng.  - Cảnh quan chủ yếu là hoang mạc, bán h.mạc 0,5  - Nhiều dầu mỏ, khí tự nhiên. |
| *Đặc điểm dân cư và xã hội* | - Là cái nôi văn minh thế giới.  - Đa số dân cư theo đạo Hồi. 0,5  - Xung đột, chiến tranh, khủng bố thường xuyên . |

***Câu 2****.* (2điểm). **Vị trí địa lí của Hoa Kì có thuận lợi gì cho phát triển kinh tế?**

* Thuận lợi phát triển kinh tế biển và giao lưu với các nước trên thế giới cả về đường bộ và đường thủy. **0,5**
* Có thị trường và nguồn cung cấp tài nguyên rộng lớn. **0,5**
* Tránh được sự tàn phá của 2 cuộc đại chiến thế giới và còn làm giàu nhờ chiến tranh. **0,5**
* Có khí hậu đa dạng, ôn hòa, thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp và cả sinh hoạt của con người. **0,5**

**Câu 3**.(1điểm). Dựa vào kiến thức đã học, em hãy chứng minh EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới ?

**\* EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới:**

-EU đã thành công trong việc tạo ra một thị trường chung đảm bảo cho con người, hàng hoá, tiền vốn, dịch vụ giữa các nước thành viên và sử dụng 1 đồng tiền chung. **0.5**

- EU là 1 trong 3 trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới. **0,25**

- Chiếm tỉ lệ diện tích và dân số nhỏ nhưng lại chiếm tỉ trọng GDP lớn. **0,25**

**ĐỀ CHẴN**

***Câu 1.*(2điểm): Trình bày những đặc điểm cơ bản của khu vực Trung Á?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | **Trung Á** |
| *Diện tích* | 5,6 triệu km2 0,25 |
| *Vị trí địa lí* | - Nằm ở trung tâm của châu Á 0,25  - không giáp biển và đại dương. |
| *Số quốc gia* | 6 0,25 |
| *Số dân* | 61,3 tr.người (2005) 0,25 |
| *Đặc điểm tự nhiên* | - Khí hậu lục địa khô hạn.  - Cảnh quan nhiều thảo nguyên, h. mạc 0,5  - Dầu khí, vàng, muối mỏ, urani. |
| *Đặc điểm dân cư và xã hội* | - Đa dân tộc, mật độ dân số thấp.  - Phần lớn dân cư theo đạo Hồi (trừ Mông Cổ) 0,5 |

***Câu 2****.* (2điểm). **DÂN SỐ HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1890 – 2018** (Đơn vị: triệu người)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1800** | **1820** | **1840** | **1860** | **1880** | **1900** | **1920** | **1940** | **1960** | **1980** | **2005** | **2010** | **2018** |
| **Số dân** | **5** | **10** | **17** | **31** | **50** | **76** | **105** | **132** | **179** | **227** | **296.5** | **309.3** | **327.2** |

Em hãy nhận xét sự gia tăng dân số Hoa Kì theo bảng số liệu trên. Người dân nhập cư đã mang lại cho Hoa Kì lợi ích gì?

- Nhận xét: + Dân số HK giai đoạn 1800-2018 tăng nhanh. ***(0,5đ)***

+ dẫn chứng: tăng từ 5 triệu người (1800) lên 327,2 triệu người (2018) => tăng 322,2 triệu người trong 218 năm. ***(0,5đ)***

***- Người dân nhập cư đã mang lại cho Hoa Kì lợi ích g***ì? Đem lại cho Hoa Kì nguồn vốn, nguồn lao động dồi dào, năng động, có trình độ cao, giàu kinh nghiệm mà không tốn nhiều chi phí đào tạo ban đầu. ***(1,0đ)***

**Câu 3**.(***1điểm). Dựa vào kiến thức đã học, em hãy chứng minh EU là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới ?***

- Các nước thuộc EU đã dở bỏ hàng rào thuế quan trong buôn bán với nhau và có chung một mức thuế quan trọng với các nước ngoài EU. (0,25đ)

- Chiếm khoảng 37% giá trị xuất khẩu toàn thế giới.(0,25đ)

- Tỉ trọng xuất khẩu trong GDP của EU luôn cao nhất trên thế giới, vượt xa HK và Nhật Bản.(0,25đ)

- Là bạn hàng lớn nhất của các nước đang pt. (0,25đ)